

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-ST
Ngày: 10-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh
- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh S V, sinh năm 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Sơn Thị S R, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Anh S V, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 của chị Huỳnh S V trình bày và yêu cầu:

Chị có tham gia góp hội ở đây hội khai ngày 26/11/2019 dl do chị Sơn Thị S R, anh S V làm đầu thảo hội. Hình thức tham gia góp hội được thỏa thuận như sau: Loại hội 2.000.000 đồng có 16 phần, kỳ mở hội đầu tiên vào ngày 26/11/2019 (dl) sau đó nửa tháng khai 01 lần; hình thức lĩnh hội là thành viên trong đây hội bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hội là sau khi đã mở hội thì đầu thảo đi gom tiền của hội viên sau đó giao tiền tại nhà hội viên được lĩnh hội. Mỗi người lĩnh hội thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 600.000 đồng/01 lần hốt hội.

Chị tham gia 01 phần ở đây số 01 lấy tên trong danh sách hội là “D P” đóng hội sống cho đầu thảo từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 12 bằng số tiền 11.910.000 đồng. Đến lần khai thứ 13 thì đầu thảo tuyên bố úp hội không khai nữa nhưng không hoàn trả tiền hội sống đã đóng. Theo đơn khởi kiện ban đầu chị yêu cầu chị Sơn Thị S R và anh S V phải trả cho chị số tiền hội sống là 11.910.000 đồng, ngày 07/12/2022 chị S V khởi kiện bổ sung yêu cầu tính lãi hội từ ngày 26/5/2020 đến ngày 26/11/2022 là 30 tháng với lãi suất 1%/tháng bằng 3.750.000 đồng. Ngày 21/6/2023 chị S V có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về lãi hội, chỉ yêu cầu chị Sơn Thị S R, anh S V trả số tiền hội sống đã đóng là 11.910.000 đồng.

Đối với bị đơn chị Sơn Thị S R và anh S V sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Do đó Tòa án lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn chị Sơn Thị S R và anh S V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh S V. Buộc chị Sơn Thị S R và anh S V phải có trách nhiệm trả cho chị S V số tiền hội sống 11.910.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi hội chị S V có đơn xin rút nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh S V khởi kiện chị Sơn Thị S R và anh S V phải trả số tiền hội sống đã góp, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội”. Bị đơn cư trú tại Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa chị Sơn Thị S R và anh S V vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Chị Sơn Thị S R và anh S V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay chị S R và anh V vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Chị Huỳnh S V yêu cầu chị Sơn Thị S R, anh S V phải trả số tiền hội sống đã đóng 12 lần bằng 11.910.000 đồng trong dây hội khui ngày 26/11/2019 (dl) loại hội 2.000.000 đồng có 16 phần do chị Sơn Thị S R và anh S V làm đầu thảo hội. Đối với chị Sơn Thị S R và anh S V mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo yêu cầu của chị S V nhưng sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã sao gửi toàn bộ các tài liệu chứng cứ có liên quan đến dây hội để chị S R, anh V có ý kiến trình bày hoặc phản bác lại yêu cầu khởi kiện của chị S V cũng như các tài liệu chứng cứ mà chị S V đã giao nộp nhưng chị S R, anh V bỏ mặc không quan tâm đến vụ kiện, không có ý kiến trình bày. Do đó Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các tài liệu chứng nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh các hội viên (bút lục số 46, 47, 48, 49, 50) xác định chị Sơn Thị S R và anh S V có tổ chức khui dây hội ngày 26/11/2019 dl, loại hội 2.000.000 đồng (dây số 1) kỳ mở hội đầu tiên vào ngày 26/11/2019 dl, hội nửa tháng khui 01 lần có 16 phần, đầu thảo tổ chức khui hội lần thứ 1 đến lần thứ 12. Đến lần khui thứ 13 thì đầu thảo úp hội không khui nữa và dây này chị Huỳnh S V tham gia 01 phần lấy

tên trong danh sách hội là “D P” và chị S V còn sống trong dây hội này, những chứng cứ này chứng minh lời trình bày và yêu cầu của chị S V là có căn cứ. Chị Sơn Thị S R và anh S V sống chung nhà việc tổ chức chơi hội có tiền huê hồng là nhằm để đáp ứng nhu cầu cho cuộc sống gia đình, căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chị S R và anh V phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho chị S V.

[4] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh S V, buộc chị S R và anh V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị S V số tiền hội sống đã đóng là 11.910.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi: chị S V có đơn xin rút lại yêu cầu về lãi số tiền 3.750.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[5] Xét thấy quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Buộc chị Sơn Thị S R và anh S V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, chị Huỳnh S V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468; Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phùng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh S V.

2. Buộc chị Sơn Thị S R và anh S V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh S V số tiền hội sống bằng 11.910.000 đồng (của dây hội khai ngày 26/11/2019 dương lịch, loại hội 2.000.000 đồng có 16 phần ở dây số 1, hội nửa tháng khai 01 lần do chị Sơn Thị S R và anh S V làm đầu thảo hội).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi hội 3.750.000 đồng do chị Huỳnh S V có đơn xin rút.

4. Về án phí: Buộc chị Sơn Thị S R và anh S V phải chịu số tiền 595.500 đồng.

Hoàn trả cho chị Huỳnh S V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014315 đã ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả cho chị Huỳnh S V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014378 đã ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký